TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI** Bản án số: 61/2024/DS-PT Ngày: 11 - 12 - 2024 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Dũng

Bà Trần Thị Túc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2024/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 130/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 166/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Tường V - sinh năm 1968; cư trú tại đội H, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim Đ - sinh năm 1973; cư trú tại đội I, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Người kháng cáo:*** Bà Trần Thị Kim Đ là bị đơn.

(Bà Vũ Thị Tường V và bà Trần Thị Kim Đ có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2023, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 22/12/2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Vũ Thị Tường V trình bày:*

Xuất phát từ chỗ quen biết, bà có cho bà Trần Thị Kim Đ mượn tiền nhiều lần, cụ thể: Ngày 03/4/2023 dương lịch (nhằm ngày 13/3/2023 âm lịch) bà Đ mượn 100.000.000 đồng; ngày 13/5/2023 dương lịch (nhằm ngày 24/3/2023 âm lịch) bà Đ mượn 40.000.000 đồng; cùng ngày, bà Đ mượn 80.000.000 đồng, tổng cộng 220.000.000 đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà Đ trả tiền nhưng bà Đ không chịu trả. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bà Đ có trả cho bà 1.000.000 đồng tiền nợ gốc vào ngày 05/6/2024. Như vậy, bà Đ còn nợ bà 219.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Nay, bà yêu cầu bà Trần Thị Kim Đ phải trả cho bà 219.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi, cụ thể: Từ ngày 02/10/2023 đến ngày 02/6/2024 là 08 tháng, thành tiền 14.608.000 đồng (220.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 08 tháng); từ ngày 03/6/2024 đến ngày 03/7/2024 là 01 tháng, thành tiền 1.817.700 đồng (219.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 01 tháng), tổng tiền nợ lãi là 16.425.700 đồng. Như vậy, tổng số tiền nợ gốc, lãi bà yêu cầu bà Đ phải trả cho bà đến ngày 03/7/2024 là 235.425.700 đồng.

Những lần bà Đ mượn tiền của bà đều viết giấy. Bà Đ cho rằng bà đồng ý hùn ½ số tiền bà Đ mượn của bà để chơi chứng khoán cùng với bà Đ là không đúng vì bà lớn tuổi, không có trình độ, không hiểu biết gì về chứng khoán nên không có việc bà đồng ý hùn tiền chơi chứng khoán với bà Đ. Bà Đ cố tình không trả nợ cho bà nên nói như vậy; bà Đ cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà đồng ý hùn ½ khoản nợ nói trên với bà Đ để chơi chứng khoán. Anh Nguyễn Trung N cho rằng có chứng kiến bà hùn ½ số tiền mà bà Đ mượn của bà là không đúng; bà thấy anh N với bà Đ hay đi chung với nhau.

Số tiền bà cho bà Đ mượn không liên quan đến chồng của bà Đ. Bà chỉ yêu cầu bà Đ trả nợ cho bà. Số tiền bà cho bà Đ mượn là tài sản riêng của bà, không liên quan đến chồng của bà.

** Tại Bản tự khai ngày 17/01/2024, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Trần Thị Kim Đ trình bày:*

Bà có chơi chứng khoán trên mạng, để có tiền chơi chứng khoán bà có mượn tiền của bà Vũ Thị Tường V nhiều lần, cụ thể: Ngày 03/4/2023, bà mượn 100.000.000 đồng; ngày 24/3/2023 âm lịch (ngày 13/5/2023 dương lịch) bà mượn 40.000.000 đồng và cùng ngày bà tiếp tục mượn 80.000.000 đồng, tổng cộng bà mượn của bà V 220.000.000 đồng.

Bà mượn tiền của bà V mục đích là để chơi chứng khoán nên bà có rủ bà V hùn tiền chơi cùng. Bà V đồng ý hùn ½ số tiền nợ 220.000.000 đồng mà bà đã mượn của bà V, tương ứng 110.000.000 đồng. Việc bà V đồng ý hùn tiền chơi chứng khoán chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không viết giấy tờ nhưng có anh Nguyễn Trung N chứng kiến, vì anh N cũng tham gia chơi chứng khoán cùng bà. Bà đã trả cho bà V 1.000.000 đồng nợ gốc nhưng bà đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cho bà V 110.000.000 đồng tiền nợ gốc, bà không đồng ý trả tiền lãi cho bà V.

Bà mượn tiền của bà V để chơi chứng khoán; chồng của bà là ông Lê Đình H hoàn toàn không biết nên khoản nợ này không liên quan đến ông H.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2024/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện S đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Vũ Thị Tường V. Buộc bà Trần Thị Kim Đ phải chịu trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị Tường V số tiền 235.425.700 đồng, trong đó tiền nợ gốc 219.000.000 đồng, tiền nợ lãi 16.425.700 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 08/8/2024 và ngày 16/8/2024, bà Trần Thị Kim Đ có đơn kháng cáo, kháng cáo bổ sung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm, bà chỉ chấp nhận trả cho bà Vũ Thị Tường V ½ số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng, bà không đồng ý trả tiền nợ lãi. Tại phiên tòa, bà Trần Thị Kim Đ tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định là hợp lệ theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tại phiên tòa, bị đơn là bà Trần Thị Kim Đ rút toàn bộ kháng cáo; nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn trả tiền nợ lãi. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn; sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn là bà Vũ Thị Tường V không yêu cầu bà Trần Thị Kim Đ phải trả tiền nợ lãi; về án phí, đề nghị giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 24/7/2024, Tòa án nhân dân huyện S xét xử vụ án. Ngày 08/8/2024, bà Trần Thị Kim Đ có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là bà Trần Thị Kim Đ rút toàn bộ kháng cáo. Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[3] Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 24/10/2024 và tại phiên toà, nguyên đơn là bà Vũ Thị Tường V tự nguyện không yêu cầu bà Trần Thị Kim Đ phải trả tiền nợ lãi 16.425.700 đồng. Xét việc bà Vũ Thị Tường V

không yêu cầu bà Trần Thị Kim Đ phải trả tiền nợ lãi là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị Tường V.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Vũ Thị Tường V tự nguyện không yêu cầu bà Trần Thị Kim Đ trả tiền nợ lãi nên cần sửa lại phần án phí mà bà Trần Thị Kim Đ phải chịu, cụ thể: Bà Trần Thị Kim Đ chỉ phải chịu 10.950.000 đồng (219.000.000 đồng x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Vũ Thị Tường V 5.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0000558 ngày 30/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Kim Đ phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Trần Thị Kim Đ đã nộp theo Biên lai số 0002340 ngày 26/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Bà Trần Thị Kim Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn là bà Trần Thị Kim Đ; sửa bản án số 35/2024/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện S về phần tiền lãi và án phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Tường V. Buộc bà Trần Thị Kim Đ phải có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị Tường V số tiền 219.000.000 đồng *(hai trăm mười chín triệu)*.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị Tường V không yêu cầu bà Trần Thị Kim Đ phải trả 16.425.700 đồng *(mười sáu triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn, bảy trăm)* tiền nợ lãi.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim Đ phải chịu 10.950.000 đồng *(mười triệu, chín trăm, năm mươi ngàn)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Vũ Thị Tường V 5.500.000 đồng *(năm triệu năm trăm ngàn)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0000558 ngày 30/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Kim Đ phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm ngàn)* tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Trần Thị Kim Đ đã nộp theo Biên lai số 0002340 ngày 26/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh. Bà Trần Thị Kim Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Thu Lan